

Phụ lục V

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT
(Thực hiện theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ)

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
TỔNG CÔNG TY CAO SU ĐỒNG NAI**
MST: 3 6 0 0 2 5 9 4 6 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày..06 tháng 10. năm 2016

Số: 909 /CSĐN-KHĐT

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước.

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước:

Trong các năm qua, cụ thể từ năm 2013-2015 Tổng Công ty Cao su Đồng Nai thực hiện tốt các chỉ tiêu sản xuất tài chính được Tập đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam (đơn vị chủ quản) phê duyệt, cụ thể:

- Sản lượng mủ cao su thu hoạch: 90.680 tấn = 104 % KH.
Trong đó thu mua 10.500 tấn.
- Sản lượng mủ cao su tiêu thụ: 99.189 tấn = 96 % KH.
- Tổng doanh thu, thu nhập: 5.782,780 tỷ đồng = 99 % KH
- Kim ngạch xuất khẩu: 98.067 triệu USD = 90 % KH
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 1.843,980 tỷ đồng = 109 % KH.
- Nộp ngân sách: 694,370 tỷ đồng = 101 % KH.

Đã tạo việc làm ổn định cho 11.025 lao động hàng năm, với mức thu nhập từ tiền lương bình quân 2013 đến 2015 là 5,7 triệu đồng/người/tháng.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước:

- Tổng Công ty đã có Quyết định số 53A/QĐ-HĐTVCSĐN ngày 19/8/2013 của Hội đồng Thành viên phê duyệt dự án đầu tư tái canh vườn cây cao su giai đoạn 2011-2015: Diện tích 12.533,29 ha; tổng mức đầu tư 1.837,790 tỷ, trong đó vốn chủ sở hữu chiếm 70 %; thời gian thực hiện dự án từ năm 2011-2022 và Quyết định số 34/QĐ-HĐTVCSĐN ngày 24/5/2016 của Hội đồng Thành viên phê duyệt dự án đầu tư tái canh vườn cây cao su giai đoạn 2016-2020: Diện tích 6.511,12 ha; tổng mức đầu tư 493,064 tỷ, trong đó vốn chủ sở hữu chiếm 50 %; thời gian thực hiện dự án từ năm 2016-2045. Tiến độ thực hiện 02 dự án đạt yêu cầu.

- Dự án nâng cấp hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) của các nhà máy chế biến cao su từ cột A lên cột B để bảo vệ môi trường: Được triển khai từ năm 2014, đến nay thực hiện như sau:

+ Dự án nâng cấp HTXLNT nhà máy cao su Cẩm Mỹ: Tổng mức đầu tư 33,449 tỉ, triển khai tháng 3/2015, đã hoàn chỉnh công tác xây lắp đang vận hành thử nghiệm; dự kiến nhà thầu bàn giao chủ đầu tư năm 2016.

+ Dự án nâng cấp và tích hợp HTXLNT nhà máy cao su An Lộc - Xuân lập: Tổng mức đầu tư 54,518 tỉ; dự kiến triển khai năm 2015 nhưng do có thay đổi về Quy

chuẩn nước thải công nghiệp chế biến cao su thiên nhiên nên sẽ triển khai trong năm 2016.

- c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới, ...): Không có.
- d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do ảnh hưởng chung của thị trường tiêu thụ mủ cao su, giá bán cao su tính từ năm 2013 đến nay giảm rất sâu (Năm 2015 = 59 % % năm 2013 và chỉ bằng 34,7 % năm 2011) đã ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận, tiền lương người lao động. Tổng Công ty đã bằng nhiều biện pháp như rà soát tiết giảm chi phí, thay đổi chế độ cạo, tăng sử dụng cơ giới hóa, hóa học hóa ... trong chăm sóc, khai thác mủ cao su, Do đó vẫn bảo đảm có lợi nhuận, bảo toàn vốn nhà nước và ổn định tiền lương để giữ chân người lao động.

*** Dự kiến thực hiện kế hoạch năm 2016:**

Tuy gặp nhiều khó khăn trong năm 2016 như thời tiết không thuận lợi (nắng nóng kéo dài dẫn đến tổ chức khai thác mủ chậm hơn 01 tháng so các năm trước); giá bán vẫn ở mức thấp (Giá bán 27.000 đồng/tấn = 86,6 % giá bán thực hiện năm 2015). Nhưng với nỗ lực của toàn thể CB.CNV Tổng Công ty sẽ phấn đấu đạt các chỉ tiêu chủ yếu về sản xuất, tài chính Tập đoàn đã phê duyệt, cụ thể:

- Sản lượng mủ cao su thực hiện: 28.500 tấn.
- Sản lượng mủ cao su tiêu thụ: 30.050 tấn.
- Tổng doanh thu, thu nhập: 1.050 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận: 233 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: 113 tỷ đồng.

2. Tình hình đầu tư tại các Công ty con:

2.1 Danh sách các Cty con trên 50% VĐL và tình hình đầu tư vào các Cty con:

Đơn vị tính ngàn đồng

Tên các Cty con	VĐL	Tỉ lệ	TCty góp	TCty góp vốn đến 31/12/2015
1- Cty TNHH MTV VRG - OUDOMXAY	392.348.605	100,00	392.348.605	1.207.250
2- Cty CP cao su Bảo Lâm	181.713.783	94,46	171.639.183	44.925.400
3- Cty CP CS Đông Nai-Kratie	852.166.259	67,96	579.166.259	435.000.000
4- Cty CP KCN Long Khánh	120.000.000	58,33	70.000.000	70.000.000
5- Cty CP KCN Dầu Giây	120.000.000	61,67	73.998.000	73.998.000
6- Cty CP Chế Biến Gỗ	30.000.000	51,00	15.300.000	15.300.000
7- Cty TNHH ITV Địa ốc CSĐN	70.000.000	100,00	70.000.000	70.000.000
8- Cty CPCS Hàng Gòn	8.000.000	50,00	4.000.000	4.000.000
Cộng	1.774.228.647		1.376.452.047	714.430.650

2.2 Tóm tắt hoạt động tài chính các Cty con:

2.2.1 Cty TNHH MTV VRG – Oudomxay, trồng cao su tại Lào diện tích dự án là 2.700 ha, đã trồng đến 30/6/2016 là 1.340,44 ha, trong đó trồng mới 2016 là 300 ha.

Tổng mức đầu tư dự án là 422,907 tỷ đồng

Đầu tư lũy kế đến 31/12/2015 là 134,390 tỷ đồng.

2.2.2 Cty Cổ phần cao su Bảo Lâm, trồng cao su tại tỉnh Lâm Đồng diện tích dự án 1.700 ha, đến 30/6/2016 trồng được 1.510,39 ha, trong đó khai thác 50 ha, cao su KTCB là 1.460,39 ha.

Tổng mức đầu tư là 227,142 tỷ đồng

Đầu tư lũy kế đến 31/12/2015 là 157,666 tỷ đồng

Dự án đang trong thời kỳ KTCB, doanh thu phát sinh không đáng kể.

2.2.3 Cty cổ phần cao su Đồng Nai – Kratie, trồng cao su tại Campuchia, diện tích dự án 7.429,56 ha, trong đó đã trồng cao su 6.155,93 ha.

Tổng mức đầu tư là 1.217,380 tỷ đồng

Đầu tư lũy kế đến 31/12/2015 là 1.089,376 tỷ đồng

Dự án đang trong thời kỳ KTCB, doanh thu chưa phát sinh.

2.2.4 Cty cổ phần KCN Dầu Giây, đầu tư khu công nghiệp trên đất cao su, diện tích 330,804 ha, trong đó diện tích kinh doanh 205,74 ha.

Tổng mức đầu tư là 566,411 tỷ đồng

Lũy kế đầu tư đến 31/12/2015 là 179,978 tỷ đồng

Năm 2015: doanh thu 22,336 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 11,611 tỷ đồng; tỉ lệ chia cổ tức 6%. Ước thực hiện năm 2016: Doanh thu 34,209 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 19,163 tỷ đồng; cổ tức 10%; diện tích cho thuê đạt 46,5%.

2.2.5 Cty cổ phần KCN Long Khánh, đầu tư khu công nghiệp trên đất cao su, diện tích: 264,47 ha, trong đó diện tích kinh doanh 180,98 ha.

Tổng mức đầu tư là 470,253 tỷ đồng

Lũy kế đầu tư đến 31/12/2015 là 236,478 tỷ đồng

Năm 2015: doanh thu 12,244 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 3,410 tỷ đồng. Ước thực hiện năm 2016: Doanh thu 25,910 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 10,241 tỷ đồng; cổ tức 7,06%; tỉ lệ diện tích cho thuê đạt 50,7%.

2.2.6 Cty cổ phần cao su Hàng Gòn, nhà máy chế biến cao su, công suất 9.000 tấn/năm.

Năm 2015: doanh thu 16,520 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 2,060 tỷ đồng; cổ tức 10%. Ước thực hiện 2016: doanh thu 19,711 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 1,940 tỷ đồng; cổ tức 10%

2.2.7 Cty TNHH MTV Địa ốc cao su Đồng Nai, kinh doanh khu dân cư trên đất cao su. Hiện nay đang kinh doanh 02 dự án: Khu Dân cư Bàu Xéo và Khu Dân cư Xóm Hố, tổng diện tích là 264.475 m², diện tích kinh doanh là 107.703 m².

Lũy kế đầu tư đến 31/12/2015 là 211,530 tỷ đồng

Năm 2015: doanh thu 22,528 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 4,607 tỷ đồng; Ước thực hiện 2016: doanh thu 24,728 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 4,640 tỷ đồng.

2.2.8 Cty cổ phần chế biến gỗ cao su Đồng Nai, công suất thiết kế từ 4.900 m3 đến 10.000m3 gỗ tinh chế (Hai giai đoạn).

Tổng mức đầu tư là 104,978 tỷ đồng

Lũy kế đầu tư đến 31/12/2015 là 29,690 tỷ đồng

Năm 2015: doanh thu 135,662 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 4,364 tỷ đồng; cổ tức 6,5%. Ước thực hiện 2016: doanh thu 121,500 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế 4,545 tỷ đồng; cổ tức 6,5%

Kính báo./.

Nơi nhận :

- Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư;
- Ban Kế Hoạch và Đầu Tư Tập Đoàn ;
- Lưu : VT, KHĐT.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Minh Tuấn

CÁC CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 03 NĂM 2013-2015

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		03 Năm (2013-2015)			
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	so sánh TH/KH	
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất											
a	- Sản lượng khai thác	tấn	30.300	32.413	28.500	30.667	28.500	27.600	87.300	90.680	104%	
b	- Sản lượng thu mua	tấn	2.000	2.059	2.600	4.336	3.000	4.105	7.600	10.500	138%	
c	- Sản lượng tiêu thụ	tấn	33.966	34.230	34.150	33.500	35.050	31.459	103.166	99.189	96%	
	* theo chủng loại mù											
	- Mù khối	tấn	27.898	27.741	27.669	27.845	25.350	24.241	80.917	79.826	99%	
	- Mù skim	tấn	890	904	850	879	1.400	756	3.140	2.539	81%	
	- Mù Latex	tấn	5.178	5.514	5.613	4.713	8.300	6.402	19.091	16.630	87%	
	- Mù khác	tấn	-	71	18	63	-	60	18	194	1078%	
	* theo tiêu thụ											
	Xuất khẩu	tấn	18.059	17.655	16.700	16.716	21.100	14.339	55.859	48.711	87%	
	- Trực tiếp	tấn	16.911	16.507	14.100	14.348	18.700	12.948	49.711	43.804	88%	
	- Ủy thác	tấn	1.148	1.148	2.600	2.368	2.400	1.391	6.148	4.907	80%	
	Nội địa	tấn	15.907	16.574	17.450	16.784	13.950	17.120	47.307	50.478	107%	
2	Tổng doanh thu trong đó:	tỷ đồng	2.315,46	2.374,86	1.889,72	1.894,95	1.642,06	1.512,97	5.847,24	5.782,78	99%	
	Doanh thu cao su	tỷ đồng	1.774,41	1.799,69	1.284,17	1.278,23	1.118,49	982,46	4.177,07	4.060,38	97%	
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	695,02	747,83	503,69	580,18	500,42	515,97	1.699,13	1.843,98	109%	
4	Nộp ngân sách	tỷ đồng	276,79	295,87	207,90	208,29	203,84	190,20	688,52	694,37	101%	
6	Kim ngạch xuất khẩu	1.000 USD	45.580,00	44.972,05	31.136,00	31.673,10	32.614,00	21.422,04	109.330,00	98.067,18	90%	
7	Đầu tư phát triển	tỷ đồng	794,73	716,83	918,86	602,63	638,18	244,45	2.351,77	1.563,91	66%	
	- Vốn Nhà nước	tỷ đồng	565,72	516,74	798,36	487,74	495,64	141,88	1.859,72	1.146,35	62%	
	- Vốn vay	tỷ đồng	200,00	200,00	108,54	108,50	129,09	100,00	437,63	408,50	93%	
	- Vốn khác	tỷ đồng	29,00	0,09	11,97	6,39	13,45	2,58	54,42	9,06	17%	
8	Tổng lao động	Người	13.149	12.971	12.116	11.196	10.715	8.908	11.993,33	11.025,00	92%	

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		03 Năm (2013-2015)		so sánh TH/KH
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện		
9	Tổng quỹ lương	tỷ đồng	790,30	772,38	635,49	633,32	561,13	467,96	1.986,92	1.873,66	94%
	- Quỹ lương quản lý	tỷ đồng	1,78	1,80	2,08	2,08	2,08	2,51	5,94	6,39	108%
	- Quỹ lương lao động	tỷ đồng	788,53	770,58	633,41	631,24	559,04	465,45	1.980,98	1.867,27	94%

Người Lập biểu



Vũ Thị Huệ Trinh

Đồng Nai, ngày 06 tháng 10 năm 2016

ĐỒNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Minh Tuấn

